TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **175**/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 23 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vàng Thị H**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn C, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung K**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vàng Thị H và anh Nguyễn Trung K (Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 11 tháng 5 năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Vàng Thị H và anh Nguyễn Trung K đều xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 14/11/2012.

Anh chị thống nhất thoả thuận anh K là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Ng, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000 đồng/lần/tháng bằng hình thức chuyển khoản cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, việc thăm nom chăm sóc con chung thực hiện theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về tài sản chung*: Chị Vàng Thị H và anh Nguyễn Trung K đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Chị Vàng Thị H và anh Nguyễn Trung K đều xác định không có.

- *Về án phí*: Chị Vàng Thị H tự nhận chịu toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và tiền án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vàng Thị H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000023 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Trung K không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND thị trấn C (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Phan Anh Thành